

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường.

Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Vân N, sinh năm 1988; Trú tại: Số 1/10/616 đường G, phường V, T phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1988; Trú tại: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Anh M vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 01/02/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Vân N trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa chị xin ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Trịnh Viết T - Sinh ngày 29/10/2010 và Trịnh Khánh C - Sinh ngày 27/11/2013. Quan điểm của chị N về con chung như sau: Chị nhận nuôi dưỡng con chung là Trịnh Khánh C, còn anh M nuôi dưỡng con chung là Trịnh Viết T, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Nếu anh M nhận nuôi cả 02 con chung thì chị cũng đồng ý, việc cấp dưỡng nuôi con thì theo quy định của pháp luật; Nếu anh M không nhận nuôi dưỡng con chung thì chị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2020, anh Trịnh Văn M có ý kiến như sau:

Anh và chị Phạm Thị Vân N đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì bỗng nhiên chị N bỏ đi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Nay chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí. Vợ chồng có 02 con chung gồm Trịnh Viết T, sinh ngày 29/10/2010 và Trịnh Khánh C, sinh ngày 27/11/2013. Anh nhận nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01con. Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh M và chị N vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Vân N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 29/5/2020 anh Trịnh Văn M vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay anh M tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh M.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý ly hôn giữa chị Phạm Thị Vân N và anh Trịnh Văn M. Về con chung: Giao 02 con chung là Trịnh Viết T, sinh ngày 29/10/2010 và Trịnh Khánh C, sinh ngày 27/11/2013 cho anh M nuôi dưỡng. Chị N cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/01 con/ tháng kể từ tháng 6/2020 đến khi con chung trưởng thành, tự lập được. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Vân N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Văn M vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh M là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Phạm Thị Vân N kết hôn với anh Trịnh Văn M vào ngày 26/10/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống vợ chồng không hợp, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ năm 2017. Đến nay chị N và anh M đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét thấy đã có đủ cơ sở để xác định giữa chị N và anh M mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và kéo dài, tình cảm giữa hai bên đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Viết T, sinh ngày 29/10/2010 và Trịnh Khánh C, sinh ngày 27/11/2013. Xét thấy anh M có ý kiến nhận nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/01 con/tháng. Chị N có quan điểm đồng ý để anh M nuôi dưỡng 02 con chung và nhận cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Xét ý kiến của hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế nên được chấp nhận. Do đó, HĐXX giao cho anh M nuôi dưỡng 02 con chung, chị N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 con/tháng kể từ tháng 6/2020 đến khi con chung trưởng thành, tự lập được. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Vân N và anh Trịnh Văn M.

2. Về con chung: Giao cho anh Trịnh Văn M nuôi dưỡng 02 con chung là Trịnh Viết T, sinh ngày 29/10/2010 và Trịnh Khánh C, sinh ngày 27/11/2013. Chị Phạm Thị Vân N phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ con/tháng (một

triệu đồng/con/tháng) kể từ tháng 6/2020 đến khi con chung trưởng thành, tự lập được.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Vân N phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 05131 ngày 17/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Phạm Thị Vân N và anh Trịnh Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng